

Số: 848 /XN-DP

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 0765.19



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Người lấy mẫu : KTV. Sang

Địa điểm lấy mẫu : Xí nghiệp cấp nước Phú Lợi, Số 180 Phú Lợi, phường 2, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 13/9/2019

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN

Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2

Ngày nhận mẫu : 13/09/2019

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hoá chất cố định.

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

| Stt | Chỉ tiêu                                              | Phương pháp                                           | Kết quả             | Tiêu chuẩn          | Ngày xét nghiệm |
|-----|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|-----------------|
| 1   | Coliforms tổng số (CFU/100mL)                         | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)                             | 0                   | 0                   | 14/09/2019      |
| 2   | Escherichia coli (CFU/100mL)                          | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)                             | 0                   | 0                   | 14/09/2019      |
| 3   | Chỉ số pecmanganat (mg/L)                             | TCVN 6186- 1996 (*)                                   | 1,28                | 2                   | 13/09/2019      |
| 4   | Clo dư (mg/L)                                         | SMEWW 4500 - Cl F-2012                                | 0,37                | 0,3 - 0,5           | 13/09/2019      |
| 5   | Clorua (mg/L)                                         | SMEWW 4500 - Cl <sup>-</sup> B - 2012 (*)             | 188,00              | 250,00              | 16/09/2019      |
| 6   | Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO <sub>3</sub> (mg/L) | SMEWW 2340C - 2012 (*)                                | 120,00              | 300,00              | 16/09/2019      |
| 7   | Độ đục (NTU)                                          | SMEWW 2130B - 2012                                    | 0,27                | 2                   | 13/09/2019      |
| 8   | Độ màu (màu sắc) (TCU)                                | SMEWW 2120C - 2012 (*)                                | 10,22               | 15                  | 13/09/2019      |
| 9   | Mangan tổng số (mg/L)                                 | SMEWW 3500 Mn - B - 2012 (*)                          | 0,06                | 0,3                 | 13/09/2019      |
| 10  | Mùi vị                                                | Cảm quan                                              | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | 13/09/2019      |
| 11  | Nitrate (mg/L)                                        | TCVN 6180- 1996                                       | 1,92                | 50                  | 13/09/2019      |
| 12  | Nitrite (mg/L)                                        | SMEWW 4500- NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> B - 2012 (*) | 0,02                | 3                   | 13/09/2019      |
| 13  | pH                                                    | TCVN 6492:2011 (*)                                    | 7,40                | 6,5 - 8,5           | 16/09/2019      |
| 14  | Sắt tổng cộng (mg/L)                                  | SMEWW 3500 Fe - B - 2012                              | 0,04                | 0,3                 | 13/09/2019      |
| 15  | Sulphat (mg/L)                                        | SMEWW 427 C - 2012                                    | 108,9               | 250                 | 13/09/2019      |

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

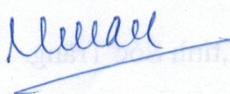
Mã số mẫu: 0765.19

| Stt | Chỉ tiêu | Phương pháp | Kết quả | Tiêu chuẩn | Ngày xét nghiệm |
|-----|----------|-------------|---------|------------|-----------------|
|-----|----------|-------------|---------|------------|-----------------|

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

Sóc Trăng, ngày 03 tháng 9 năm 2019

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



BS. CKII. Võ Quang Hà

| STT | Chỉ tiêu                               | Phương pháp                   | Kết quả      | Tiêu chuẩn   | Ngày xét nghiệm |
|-----|----------------------------------------|-------------------------------|--------------|--------------|-----------------|
| 1   | Coliform tổng số (CFU/100ml)           | ISO 9308 - 12014 (E) (*)      | 0            | 0            | 14/09/2019      |
| 2   | Escherichia coli (E. coli) (CFU/100ml) | ISO 9308 - 12014 (E) (*)      | 0            | 0            | 14/09/2019      |
| 3   | Coliform fecal (mcf)                   | TCVN 6180 - 1996 (*)          | 1,28         | 2            | 13/09/2019      |
| 4   | Coliform (mcf)                         | SMRWW 4500 - CF - 2012        | 0,32         | 0,3 - 0,2    | 13/09/2019      |
| 5   | Coliform (mcf)                         | SMRWW 4500 - CF - 2012        | 188,00       | 250,00       | 16/09/2019      |
| 6   | Coliform tổng cộng (mcf)               | SMRWW 2340C - 2012 (*)        | 120,00       | 300,00       | 16/09/2019      |
| 7   | Coliform (mcf)                         | SMRWW 2130B - 2012            | 0,32         | 2            | 13/09/2019      |
| 8   | Coliform (mcf)                         | SMRWW 2130C - 2012 (*)        | 10,32        | 12           | 13/09/2019      |
| 9   | Coliform tổng cộng (mcf)               | SMRWW 3500 MFC - B - 2012 (*) | 0,06         | 0,3          | 13/09/2019      |
| 10  | Coliform (mcf)                         | Canh dạn                      | Không có mcf | Không có mcf | 13/09/2019      |
| 11  | Coliform (mcf)                         | TCVN 6180 - 1996              | 1,92         | 20           | 13/09/2019      |
| 12  | Coliform (mcf)                         | SMRWW 4500 - CF - 2012 (*)    | 0,02         | 3            | 13/09/2019      |
| 13  | Coliform (mcf)                         | TCVN 6180 - 1996              | 2,40         | 0,2 - 0,3    | 16/09/2019      |
| 14  | Coliform tổng cộng (mcf)               | SMRWW 3500 MFC - B - 2012 (*) | 0,04         | 0,3          | 13/09/2019      |
| 15  | Coliform (mcf)                         | SMRWW 452 C - 2018            | 108,9        | 250          | 13/09/2019      |

Số: 849 /XN-DP

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 0766.19



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG  
Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.  
Người lấy mẫu : KTV. Sang  
Địa điểm lấy mẫu : 263/41 Phú Lợi, khóm 3, phường 2, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.  
Ngày lấy mẫu : 13/9/2019  
Tên mẫu : NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN  
Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2  
Ngày nhận mẫu : 13/09/2019  
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hoá chất cố định.

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

| Stt | Chỉ tiêu                      | Phương pháp               | Kết quả             | Tiêu chuẩn          | Ngày xét nghiệm |
|-----|-------------------------------|---------------------------|---------------------|---------------------|-----------------|
| 1   | Coliforms tổng số (CFU/100mL) | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*) | 0                   | 0                   | 14/09/2019      |
| 2   | Escherichia coli (CFU/100mL)  | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*) | 0                   | 0                   | 14/09/2019      |
| 3   | Chỉ số pecmanganat (mg/L)     | TCVN 6186- 1996 (*)       | 0,8                 | 2                   | 13/09/2019      |
| 4   | Clo dư (mg/L)                 | SMEWW 4500 - Cl F-2012    | 0,39                | 0,3 - 0,5           | 13/09/2019      |
| 5   | Độ đục (NTU)                  | SMEWW 2130B - 2012        | 0,33                | 2                   | 13/09/2019      |
| 6   | Độ màu (màu sắc) (TCU)        | SMEWW 2120C - 2012 (*)    | 9,43                | 15                  | 13/09/2019      |
| 7   | Mùi vị                        | Cảm quan                  | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | 13/09/2019      |
| 8   | Sắt tổng cộng (mg/L)          | SMEWW 3500 Fe - B - 2012  | 0,06                | 0,3                 | 13/09/2019      |

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

**Ghi chú:** - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

Sóc Trăng, ngày 23 tháng 9 năm 2019

GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG  
BS. CKII. Võ Quang Hà